TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **159** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2023.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà

Bà Ngô Thị Thơm.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 137/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Mai A,** sinh năm 1989, địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC H, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Nhật Bản;

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân M,** sinh năm 1985. Địa chỉ: KDC H, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị Mai A, anh M đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, chị Trần Thị Mai A trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Xuân M tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện C (nay là phường S, thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 03/02/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không

hợp nhau trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị và anh M đã nhiều lần nỗ lực hàn gắn nhưng đều không có kết quả. Ngày 15/6/2017, chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản để cải thiện kinh tế và để có thời gian suy nghĩ hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng do vợ chồng xa cách nhiều năm nên không thể thông cảm và hiểu cho nhau. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 01 con chung là Nguyễn Xuân T, sinh ngày 23/4/2006, hiện cháu đang ở cùng với anh M. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Nếu anh M có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung thì chị đồng ý để anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân T. Chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành cùng anh M.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Xuân M trình bày:* Về thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như chị Mai A trình bày là đúng. Chị Mai A có đơn xin ly hôn với anh, quan điểm của anh nhất trí theo yêu cầu của chị Mai A. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Xuân T, sinh ngày 23/4/2006, hiện cháu đang ở cùng với anh. Anh có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành, anh đề nghị chị Mai A cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn cùng anh là 2.000.000đồng/tháng. Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Mai A có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh M có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình: Xử cho chị Trần Thị Mai A được ly hôn anh Nguyễn Xuân M; Về con chung: Giao cho anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Xuân T, sinh ngày 23/4/2006 đến khi con chung trưởng thành; Chấp nhận sự tự nguyện của chị Mai A cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh M là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị Mai A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị Mai A có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Nguyễn Xuân M. Chị Mai A hiện đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Các văn bản chị Trần Thị Mai A gửi về gồm: Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Đơn xin xét xử vắng mặt, giấy ủy quyền. Toàn bộ giấy tờ này đều có xác nhận của Đ tại Nhật Bản, theo quy định tại Điều 478 Bộ luật tố tụng dân sự nên được công nhận là hợp pháp.

Tại phiên tòa chị Mai A, anh M đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Mai A, anh M.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai A và anh M được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện C (nay là phường S, thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 03/02/2010. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống vui vẻ, hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 6/2017, chị Mai A đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ đó đến nay chưa về. Chị Mai A và anh M đều xác định tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Xét thấy mâu thuẫn của anh M và chị Mai A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho chị Mai A được ly hôn anh M là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị Mai A và anh M có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 23/4/2006, hiện cháu đang ở cùng anh M. Khi ly hôn, chị Mai A và anh M cùng có quan điểm để anh M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành; Chị Mai A cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng anh M cũng nhất trí. Xét cháu T hiện đang ở cùng anh M và có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng bố. Để ổn định cuộc sống cũng như học tập của con chung cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh M và chị Mai A: Tiếp tục giao con Nguyễn Xuân T, sinh ngày 23/4/2006 cho anh M tiếp tục chăm sóc, chị Mai A cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh M là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Chị Mai A được quyền thăm nom các con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Mai A phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Mai A được ly hôn anh Nguyễn Xuân M.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Xuân M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Xuân T, sinh ngày 23/4/2006, thời gian từ tháng 6/2023 đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị Trần Thị Mai A có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng anh Nguyễn Xuân M là 2.000.000đồng/tháng thời gian từ tháng 6/2023 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Chị Trần Thị Mai A được quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh M có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị Mai A chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Mai A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004439 ngày 10/4/2023 của

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (chị T1 nộp thay).

Chị Mai A còn phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung (chị Mai A chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Xuân M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Chị Trần Thị Mai A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Sao Đỏ, TP Chí Linh (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, THC, TGĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Hoa